BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu tăng trưởng, xuất khẩu của ngành Nông nghiệp và Môi trường năm 2026

(Tài liệu phục vụ Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Sáu tháng đầu năm 2026, triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và Môi trường trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, khó khăn đan xé, nhưng khó khăn nhiều hơn với sự tác động của chính sách thuế đối ứng Hoa Kỳ, xung đột quân sự khu vực Trung Đông làm đứt gãy chuỗi cung ứng vật tư, năng lượng, biến động thị trường thế giới, biến đổi khí hậu với sự gia tăng ảnh hưởng của El Nino….; nhưng, dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự chung sức đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và bà con nhân dân, toàn Ngành triển khai, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ và giải pháp, đạt và vượt hầu kết các chỉ tiêu đề ra, trong đó nổi bật là tăng trưởng, xuất khẩu nông lâm thủy sản.

I. KẾT QUẢ TĂNG TRƯỞNG, XUẤT KHẨU NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Tốc độ tăng trưởng GDP: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã nỗ lực duy trì đà tăng trưởng ổn định trên tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản, làm chỗ dựa vững chắc cho an ninh lương thực, nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng của ngành và đóng góp vào kinh tế vĩ mô quốc gia.

- Quý II: Tăng trưởng khu vực NLTS đạt khoảng 3,9% - 4,0%.

- Sáu tháng đầu năm: Tăng trưởng khu vực NLTS đạt khoảng 3,8% - 3,85%, vượt mức chỉ tiêu Chính phủ và Bộ đề ra (3,7%).

2. Sản xuất NLTS đạt kết quả tốt, bảo đảm sẵn sàng nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước và xuất khẩu

a) Trồng trọt: Nhờ năng suất vượt trội nên sản lượng ***lúa*** Đông xuân cả nước ước đạt gần 20,5 triệu tấn, tăng 88,1 nghìn tấn (tăng 0,4%) so với vụ Đông Xuân năm 2025. Diện tích gieo trồng ***rau màu*** giảm so với cùng kỳ năm trước (CKNT); trong đó, ngô đạt 545,4 nghìn ha (giảm 0,6%); khoai lang đạt 51,1 nghìn ha (giảm 1,2%); đậu tương đạt 10,8 nghìn ha (giảm 2,7%); lạc đạt 104,8 nghìn ha (giảm 3,0%). Tổng diện tích ***cây lâu năm*** ước đạt 3.847,1 nghìn ha, tăng 22,5 nghìn ha (tăng 0,6%) so với CKNT. Trong đó, ***nhóm cây ăn quả*** đạt 1.312,0 nghìn ha, tăng 10,5 nghìn ha (tăng 0,8%); ***nhóm cây công nghiệp*** đạt 2.191,0 nghìn ha,

tăng 6 nghìn ha (tăng 0,3%); sản lượng thu hoạch nhiều cây lâu năm tăng[1].

b) Chăn nuôi: Tổng đàn ***lợn*** ước tăng 2,2%; sản lượng thịt hơi đạt 2,86 triệu tấn, tăng 4,8% so với CKNT. Đàn ***gia cầm*** tăng 3,1%; sản lượng thịt hơi đạt 1,3 triệu tấn (tăng 5,6%); sản lượng trứng đạt 10,8 tỷ quả (tăng 2,6%). ***Đàn trâu*** giảm tới 6,6%, sản lượng thịt hơi vẫn đạt 67,6 nghìn tấn (tăng 1,6%); ***đàn bò*** giảm 2,8%, thịt hơi đạt 267,8 nghìn tấn (tăng 1,3%); sữa bò tươi tăng trưởng tốt, đạt 683,7 nghìn tấn (tăng 5,2%).

c) Thủy sản: Tổng sản lượng ước đạt 4,95 triệu tấn, tăng 3,3%. Trong đó, nuôi trồng đạt 2,99 triệu tấn, tăng 5,7% so với CKNT; khai thác đạt 1,96 triệu tấn, tăng 0,6%.

d) Lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng mới đạt 135,7 nghìn ha, tăng 0,3% so với CKNT[2]; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 11,8 triệu m^3, tăng 4,5%. Diện tích cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững được 138,6 nghìn ha, tăng 41,5%. Thu dịch vụ môi trường rừng được 1.871,92 tỷ đồng, tăng 34,7%.

3. Xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản

Sáu tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS ước đạt ***35,88 tỷ USD***[3], ***tăng 6,0%*** so với CKNT; nhập khẩu 26,7 tỷ USD, tăng 11,7%. Cán cân thương mại ngành tiếp tục duy trì mức xuất siêu ấn tượng, đạt 9,2 tỷ USD. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản tiếp tục là 03 thị trường xuất khẩu lớn nhất, với Trung Quốc đạt 7,6 tỷ USD (thị phần 21,3%, tăng 23,1%), Hoa Kỳ đạt 6,8 tỷ USD (19,0%, giảm 5,1%) và Nhật Bản đạt 2,45 tỷ USD (6,8%, tăng 1,6%).

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Kịch bản tăng trưởng, xuất khẩu ngành năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Theo đó, Chính phủ đã điều chỉnh mục tiêu tốc độ tăng trưởng NLTS năm 2026 từ ***3,7% lên 4,0%.*** Để đạt được mục tiêu cả năm như điều chỉnh, chỉ tiêu tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2026 của ngành cần đạt tối thiểu 4,3% (kế hoạch cũ là 3,75%).

Từ yêu cầu, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường dự kiến điều chỉnh mục tiêu về tăng trưởng và xuất khẩu cả năm 2026 như sau:

---

[1] Sầu riêng ước đạt 603,3 nghìn tấn, tăng 12,7% so với CKNT; mít đạt 512,0 nghìn tấn, tăng 10,3%; dứa đạt 461,6 nghìn tấn, tăng 8,0%; dừa đạt 1.322,7 nghìn tấn, tăng 7,3%; hồ tiêu đạt 267,3 nghìn tấn, tăng 5,0%; điều đạt 323,4 nghìn tấn, tăng 4,6%; chè búp đạt 566,0 nghìn tấn, tăng 4,0%; sản lượng cao su ước đạt 439,6 nghìn tấn, tăng 3,9%

[2] Theo số liệu của Cục Chuyển đổi số.

[3] trong đó: Nông sản 18,59 tỷ USD, tăng 0,2%; Lâm sản 9,19 tỷ USD, tăng 4,6%; Thuỷ sản 5,69 tỷ USD, tăng 11,4%; Sản phẩm chăn nuôi 376 triệu USD, tăng 34,6%; Đầu vào sản xuất 2,0 tỷ USD, tăng 79,6%; muối 7,7 triệu USD tăng 39,8%.

- Tăng trưởng khu vực NLTS: Giá trị gia tăng NLTS phấn đấu đạt 4,0%; trong đó: Nông nghiệp đạt 3,9% (cũ 3,86%) *(Trồng trọt (GTSX) 2,65%-2,80% (cũ 2,5%-2,75%), Chăn nuôi (GTSX) 5,2-5,5 (giữ nguyên));* Lâm nghiệp: 5,51% (phấn đấu như cũ); Thủy sản: 4,5% - 4,6% (cũ 4,42%).

- Tổng kim ngạch XK NLTS: 74 tỷ USD.

2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu tăng trưởng, xuất khẩu

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong các Nghị quyết, kết luận, luật, chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến ngành Nông nghiệp và Môi trường; Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP; Chương trình hành động của của Chính phủ và của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương... Theo đó, tập trung vào các nội dung chủ yếu để hiện thức hóa vượt mục tiêu tăng trưởng, xuất khẩu ngành Nông nghiệp và môi trường, như sau:

2.1. Thực hiện hiệu quả cơ cấu lại Nông nghiệp theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao trên các lĩnh vực, sản phẩm

Trồng trọt tập trung điều chỉnh lịch vụ mùa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng; đẩy nhanh việc cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, giảm thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp***. Chăn nuôi*** hướng tới quy mô lớn, công nghiệp hóa và tăng cường phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi, nhất là bệnh Lở mồm long móng. ***Lâm nghiệp*** đẩy mạnh bảo vệ rừng, phát triển thị trường carbon và kinh tế tổng hợp dưới tán rừng; ***Thủy sản*** phát triển nuôi trồng thâm canh, mở rộng nuôi biển theo quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ hiện đại gắn với bảo vệ nghiêm ngặt môi trường sinh thái biển; chống khai thác bất hợp pháp (IUU) và kiểm soát 100% tàu cá qua hệ thống VMS. Mục tiêu tổng thể là hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và thực hiện cam kết phát thải ròng bằng "0".

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng hàng nông sản, đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc của thị trường nhập khẩu.

2.2. Thúc đẩy xúc tiến thương mại và xuất khẩu nông sản

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm thương hiệu Việt Nam thâm nhập sâu vào các hệ thống phân phối quốc tế lớn; hướng tới kim ngạch xuất khẩu NLTS cả năm đạt 73 – 74 tỷ USD.

Bám sát, chủ động nắm bắt, theo dõi chính sách các nước, diễn biến thị trường thế giới (bao gồm tác động của xung đột quân sự khu vực Trung Đông) để thông tin, hướng dẫn doanh nghiệp, nông dân tận dụng cơ hội xuất khẩu; thực

hiện các giải pháp đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, dự trữ gạo phù hợp, hiệu quả; đẩy nhanh công tác đàm phán, mở cửa thị trường; phát triển thị trường phụ phẩm nông nghiệp. Triển khai hiệu quả hệ thống truy xuất nguồn gốc NLTS trong bối cảnh các nước nhập khẩu tăng cường tiêu chuẩn xuất xứ hàng hóa.

Hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản trong nước gắn với xây dựng thương hiệu nông sản quốc gia. Hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp chủ động xây dựng chuỗi nông sản toàn cầu, tối ưu hóa hệ thống logistics và chuỗi cung ứng lạnh nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch; kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, nhất là đối với sầu riêng và một số ngành hàng chủ lực; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để đáp ứng Quy định chống phá rừng (EUDR) của châu Âu.

2.3. Nâng cao năng lực dự báo thiên tai và quản lý tài nguyên nước phục vụ cho sản xuất, hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai

Theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến thời tiết và các yếu tố môi trường liên quan; kịp thời xây dựng, triển khai các kịch bản ứng phó với thiên tai, đặc biệt các giải pháp trong mùa mưa bão sắp tới và xây dựng kịch bản phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn từng vùng, từng lưu vực sông gắn với kế hoạch sản xuất nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt, bảo đảm đủ nước cho sản xuất và sinh hoạt.

Nâng cao chất lượng công tác quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.4. Đầu tư hạ tầng đồng bộ; quản lý ngân sách hiệu quả và đẩy mạnh giải ngân đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công theo đúng tiến độ đề ra. Chuyển đổi phương thức quản lý dự án đầu tư công sang đánh giá theo kết quả đầu ra; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo cao nhất. Kiên quyết tập trung nguồn vốn đầu tư, tránh dàn trải. Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công, đưa vào khai thác, vận hành hiệu quả các công trình lớn hoàn thành, tạo động lực tăng trưởng, phát triển.

2.5. Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cải cách hành chính mạnh mẽ

Tiếp tục ưu tiên các nhiệm vụ lớn, quan trọng để làm yếu tố đột phá[4], triển khai thủ tục hoàn thành xây dựng bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Tập trung xử lý, hoàn thành dứt điểm các đề án trong chương trình công tác; đề xuất tháo gỡ kịp thời vướng mắc, giao rõ thời hạn, không để chậm trễ, kéo dài, lãng phí.

---

[4] Chiến lược quốc gia về khoáng sản đất hiếm; Luật Đất đai sửa đổi; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo sửa đổi; Quy hoạch khoáng sản...

Hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện dự thảo Nghị định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ; nâng cao năng lực, trình độ cán bộ các cấp. Phân cấp, phân quyền, nâng cao năng lực thực thi cấp dưới gắn với trách nhiệm người đứng đầu và giám sát, kiểm tra.

Tiếp tục rà soát, mạnh dạn cắt giảm thêm các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2.6. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện: Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng các ứng dụng chuyên ngành phục vụ người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý; đầu tư phát triển khoa học công nghệ. Hoàn thiện và triển khai cơ sở dữ liệu đất đai, phấn đấu hoàn thành trong năm 2026; hoàn thiện cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; hoàn thiện hệ thống TXNG nông sản

2.7. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường và chuyển đổi xanh. Giải phóng nguồn lực (đất đai, tài nguyên rừng, biển...), thúc đẩy các ngành, lĩnh vực hỗ trợ sản xuất, đóng góp tăng trưởng Ngành và nền kinh tế./.